








Stroke Order of Characters in Lesson 3

The number before each stroke indicates where the stroke starts as well as the stroke order.

		
měi	guó (T)	guó (S)
		
rén	yīng (T)	yīng (S)
		
jiào	míng	zì

		
<p>ba</p>	<p>guò (T)</p>	<p>guò (S)</p>
		
<p>qì (T)</p>	<p>qì (S)</p>	<p>xiǎng</p>
		
<p>qù</p>	<p>dì</p>	<p>fāng</p>
		
<p>liǎng (T)</p>	<p>liǎng (S)</p>	<p>wài</p>

		
běi	nán	jīng
		
xī	ān	hǎi
		
dào	jìn	shěng
		
chuān	zhōu	bù

		
cóng (T)	lí (T)	yuǎn (T)
		
cóng (S)	lí (S)	yuǎn (S)
		
biān (T)	cuò (T)	bié
		
biān (S)	cuò (S)	wàng

fēi	cháng	jiā
běn	de/dé/děi	bǎi
diàn (T)	huà (T)	shuō (T)
diàn (S)	huà (S)	shuō (S)

		
m3 (T)	lǐ (T)	kuài (T)
		
m3 (S)	lǐ (S)	kuài (S)
		
qián (T)	chá (T)	kě
		
qián (S)	chá (S)	hē

<p>zài</p>	<p>jiàn (T)</p>	<p>jiàn (S)</p>
<p>guā</p>	<p>jīn</p>	<p>bēi</p>
<p>jiǔ</p>	<p>duō</p>	<p>shǎo</p>
<p>jǐ (T)</p>	<p>jǐ (S)</p>	

MIT OpenCourseWare
<http://ocw.mit.edu>

21G.101 / 21G.151 Chinese I (Regular)
Spring 2006

For information about citing these materials or our Terms of Use, visit: <http://ocw.mit.edu/terms>.